

Số: 20 /QĐ-MN11

Tân Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai xét duyệt quyết toán Ngân sách năm 2022
của Trường Mầm Non 11**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông báo số 139/TB-TCKH ngày 11/5/2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch quận Tân Bình về Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Mầm non 11.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán Ngân sách năm 2022 của trường Mầm Non 11 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Thị Huệ

Đơn vị: Trường Mầm Non 11

Chương: 622

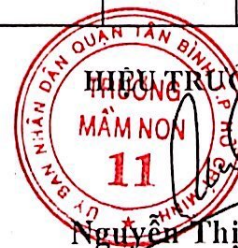
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 20 / QĐ-MN11 ngày 25/ 5/2023 của trường Mầm non 11)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.200.300	8.200.300	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.200.300	8.200.300	0	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.194.870	8.194.870	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.421.700	6.421.700	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.773.170	1.773.170	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.430	5.430	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.430	5.430	0	
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



 HIỆN TRƯỞNG

 MẦM NON

 11

 Nguyễn Thị Huệ

Tân Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2023

THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 20/QĐ-MN11)

Quyết toán các khoản ngân sách nhà nước:

I. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13):

- Tồn năm trước chuyển sang:	27.796.802	đồng
- Dự toán chi được giao:	4.708.002.000	đồng
- Kinh phí được bổ sung trong năm:		đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	4.708.002.000	đồng
- Kinh phí quyết toán:	4.697.902.331	đồng
- Kinh phí giảm trong năm (hủy dự toán):		0 đồng
- Kinh phí còn tồn chuyển năm sau:	37.896.471	đồng

II. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 14):

- Nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang:	1.368.289.728	đồng
- Nguồn CCTL năm 2022:	651.600.000	đồng
- Chi trong năm:	1.723.813.623	đồng
+ Trả TNTT theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND:	1.723.813.623	đồng
- Nguồn CCTL tồn cuối năm 2022	296.076.105	đồng

III. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12, 15):**Dvt: đồng**

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch	Nguyên nhân tăng/giảm so với dự toán
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)=(1)-(2)</i>	<i>(4)</i>
1	Sửa chữa hè 2022	113.000.000	112.763.000	237.000	Hủy dự toán
2	Sửa chữa hè 2021	6.778.000	558.000	6.220.000	Hủy dự toán
3	Mua sắm tài sản 2022	350.000.000	301.328.000	48.672.000	Hủy dự toán
4	Phụ cấp làm thêm giờ	398.783.000	270.557.456	128.225.544	Hủy dự toán
5	Nghị quyết 01	602.080.000	508.115.405	93.964.595	Hủy dự toán
6	Nghị quyết 04	468.150.000	403.200.000	64.950.000	Hủy dự toán
7	Chi khác (khám sức khỏe học sinh)	8.925.000	5.430.000	3.495.000	Hủy dự toán
8	Kinh phí hỗ trợ học phí HK2 NH 2021-2022 (cấp bù học phí)	189.420.000	176.720.000	12.700.000	Hủy dự toán

Ghi chú: dự toán bao gồm giao đầu năm và điều chỉnh, bổ sung trong năm.**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH quận Tân Bình;
- Lưu: VT, KT.

**Nguyễn Thị Huệ**